



**CÔNG TY CỔ PHẦN
IN SÁCH GIÁO KHOA HÒA PHÁT**

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kết quả công tác soát xét Báo cáo tài chính	4
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 29

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa Hòa Phát công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa Hòa Phát (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp In Sách giáo khoa Hòa Phát thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục tại Quyết định số 7975/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 30 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203000201 ngày 12 tháng 01 năm 2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 4 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 24/10/2013 với số mã số doanh nghiệp là 0400459486.

Công ty đã được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 27/QĐ-TTGDHN ngày 17/11/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội) với mã chứng khoán là HTP. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 14/12/2006.

Vốn điều lệ: 18.049.800.000 đồng.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 157 Tôn Đức Thắng, Phường Hòa An, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng
- Điện thoại: (84) 0511. 3841257
- Fax: (84) 0511. 3841258
- Website: www.inhoaphat.vn

Ngành nghề kinh doanh chính

- In ấn: In sách giáo khoa, sách báo tạp chí, tập san, nhân, biểu, sản phẩm bao bì và các loại giấy tờ quản lý kinh tế xã hội;
- Sản xuất các loại sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu: Sản xuất các loại sản phẩm: Giấy kẻ, vở học sinh, nhãn vở, sổ tay và các loại văn phòng phẩm;
- Bán buôn kinh doanh khác chưa được phân vào đâu: Bán buôn các loại sản phẩm: Giấy kẻ, vở học sinh, nhãn vở, sổ tay và các loại văn phòng phẩm; Bán buôn vật tư thiết bị ngành in; Bán buôn thiết bị, dụng cụ giáo dục; Nhập khẩu vật tư, thiết bị kỹ thuật in phục vụ sản xuất kinh doanh;
- Hoạt động xuất bản khác: Tổ chức liên kết xuất bản, in và phát hành lịch, sách, báo, tạp chí và các ấn phẩm khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình: Bán buôn sách;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ: Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô;
- Vận tải hành khách đường bộ khác: Kinh doanh vận tải khách theo hợp đồng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Kinh doanh nhà và dịch vụ chuyển quyền sử dụng đất. Dịch vụ cho thuê kho bãi, mặt bằng kinh doanh;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu: Sản xuất thiết bị, dụng cụ giáo dục.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối kỳ kế toán là 99 người, trong đó nhân viên gián tiếp là 10 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|-------------------------|------------|------------------------------|
| • Ông Ngô Trọng Vinh | Chủ tịch | Bổ nhiệm lại ngày 04/03/2014 |
| • Ông Phan Quang Thân | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 02/03/2014 |
| • Ông Nguyễn Thanh Tùng | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 02/03/2014 |
| • Ông Nguyễn Trọng Hà | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 02/03/2014 |
| • Bà Đinh Châu Tâm Hạnh | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 02/03/2014 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|-----------------------------|------------|--|
| • Ông Hồ Phú Cường | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 04/03/2014 |
| • Ông Nguyễn Ngọc Dũng | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 15/04/2009
Miễn nhiệm ngày 02/03/2014 |
| • Ông Nguyễn Phước Cao Hùng | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 02/03/2014 |
| • Ông Bùi Văn Hiệp | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 02/03/2014 |
| • Bà Nguyễn Thị Tuyết | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 15/04/2009
Miễn nhiệm ngày 02/03/2014 |
| • Bà Phạm Thị Thu Hương | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 15/04/2009
Miễn nhiệm ngày 02/03/2014 |

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|-------------------------|----------------|------------------------------|
| • Ông Nguyễn Thanh Tùng | Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 07/06/2014 |
| • Ông Nguyễn Như Việt | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 04/03/2014 |
| • Bà Đinh Châu Tâm Hạnh | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm lại ngày 04/03/2014 |

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

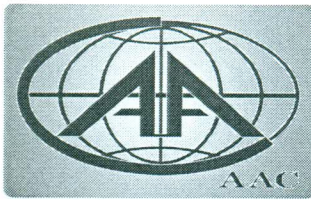
- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2015 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc
Giám đốc

Nguyễn Thanh Tùng

Đà Nẵng, ngày 13 tháng 08 năm 2015



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

Trụ sở chính
Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887
Email: aac@dng.vnn.vn
Website: <http://www.aac.com.vn>

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 847/2015/BCSX-AAC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa Hòa Phát

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2015, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015, được lập ngày 27/07/2015 của Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa Hòa Phát (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 5 đến trang 29. Báo cáo tài chính này được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty và của Kiểm toán viên

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến nhận xét về Báo cáo tài chính này dựa trên cơ sở kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện soát xét để có sự đảm bảo vừa phải rằng liệu báo cáo tài chính có chứa đựng những sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với các nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính; công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến nhận xét của Kiểm toán viên

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi đưa ra ý kiến rằng Báo cáo tài chính đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2015 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

T.N.H.H
KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN
AAC

Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2013-010-1

Đà Nẵng, ngày 13 tháng 08 năm 2015

Nguyễn Thị Thúy – Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1622-2013-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2015

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015 VND	31/12/2014 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		17.407.063.941	12.396.705.662
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	3.082.531.663	1.356.374.881
1. Tiền	111		782.531.663	356.374.881
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.300.000.000	1.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.000.000.000	1.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6a	1.000.000.000	1.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		11.857.061.071	9.073.178.871
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	2.919.232.504	3.073.236.224
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	17.000.000	-
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9a	8.803.785.614	5.920.098.276
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	10	161.899.035	122.226.871
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(44.856.082)	(42.382.500)
IV. Hàng tồn kho	140	12	1.436.156.300	930.533.458
1. Hàng tồn kho	141		1.436.156.300	930.533.458
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		31.314.907	36.618.452
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		27.683.203	2.996.821
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	3.631.704	33.621.631
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		6.737.042.724	9.948.659.996
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.272.397.615	4.156.084.953
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu về cho vay dài hạn	215	9b	1.272.397.615	4.156.084.953
II. Tài sản cố định	220		4.848.412.403	5.260.968.998
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	4.239.272.403	4.651.828.998
- Nguyên giá	222		24.989.221.514	24.989.221.514
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(20.749.949.111)	(20.337.392.516)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	609.140.000	609.140.000
- Nguyên giá	228		609.140.000	609.140.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6b	592.343.280	521.666.080
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		624.927.275	566.912.600
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(32.583.995)	(45.246.520)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		23.889.426	9.939.965
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	23.889.426	9.939.965
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		24.144.106.665	22.345.365.658

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2015

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015 VND	31/12/2014 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		4.126.487.223	1.921.323.983
I. Nợ ngắn hạn	310		4.126.487.223	1.921.323.983
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	1.587.539.464	516.458.116
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	217.677.390	10.422.344
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	460.330.438	119.097.397
4. Phải trả người lao động	314		1.271.574.222	816.740.126
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	586.841.780	458.569.671
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.523.929	36.329
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		20.017.619.442	20.424.041.675
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	20.017.619.442	20.424.041.675
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	20	18.049.800.000	18.049.800.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		18.049.800.000	18.049.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(60.093.500)	(60.093.500)
3. Cổ phiếu quỹ	415	20	(914.353.746)	(914.353.746)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	20	1.914.347.993	1.914.347.993
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	20	1.027.918.695	1.434.340.928
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		117.876.928	5.044.218
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		910.041.767	1.429.296.710
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		24.144.106.665	22.345.365.658



Nguyễn Thanh Tùng

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 07 năm 2015

Kế toán trưởng

Đinh Châu Tâm Hạnh

Người lập biểu

Lê Quang Đình Thạnh

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	21	8.639.229.583	8.783.816.621
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		8.639.229.583	8.783.816.621
4. Giá vốn hàng bán	11	22	6.668.308.400	6.915.579.285
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		1.970.921.183	1.868.237.336
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	572.569.832	725.908.992
7. Chi phí tài chính	22	24	(12.662.525)	9.398.908
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		23	-	2.490.908
8. Chi phí bán hàng	25	25	23.721.928	19.208.640
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	1.355.079.278	1.145.758.142
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.177.352.334	1.419.780.638
11. Thu nhập khác	31	27	15.058.989	4.131.688
12. Chi phí khác	32	28	42.944.251	61.202.760
13. Lợi nhuận khác	40		(27.885.262)	(57.071.072)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.149.467.072	1.362.709.566
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	239.425.305	276.105.185
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		910.041.767	1.086.604.381
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	553	660
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		553	660



Nguyễn Thanh Tùng

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 07 năm 2015

Kế toán trưởng

Đinh Châu Tâm Hạnh

Người lập biểu

Lê Quang Đình Thạnh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	9.771.774.697	8.936.714.480
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(3.652.326.895)	(3.087.372.008)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(3.322.311.088)	(3.145.809.038)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	-	(2.490.908)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(67.296.745)	(209.929.561)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	218.573.894	347.436.130
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(657.333.891)	(615.018.982)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.291.079.972	2.223.530.113
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(500.000.000)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	-	1.200.000.000
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(58.014.675)	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	807.959.485	477.613.720
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	749.944.810	1.177.613.720
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	-	429.056.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(429.056.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.314.868.000)	(821.412.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.314.868.000)	(821.412.500)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	1.726.156.782	2.579.731.333
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.356.374.881	143.140.352
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	3.082.531.663	2.722.871.685



Nguyễn Thanh Tùng

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 07 năm 2015

Kế toán trưởng

Đinh Châu Tâm Hạnh

Người lập biểu

Lê Quang Đình Thạnh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa Hòa Phát (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp In Sách giáo khoa Hòa Phát thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam theo Quyết định số 7975/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 30 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203000201 ngày 12 tháng 01 năm 2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 4 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 24/10/2013 với mã số doanh nghiệp là 0400459486.

Công ty đã được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 27/QĐ-TTGDHN ngày 17/11/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) với mã chứng khoán là HTP. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 14/12/2006.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: In ấn sách và ấn phẩm.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- In ấn: In sách giáo khoa, sách báo tạp chí, tập san, nhân, biểu, sản phẩm bao bì và các loại giấy tờ quản lý kinh tế xã hội;
- Sản xuất các loại sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu: Sản xuất các loại sản phẩm: Giấy kẻ, vở học sinh, nhãn vở, sổ tay và các loại văn phòng phẩm;
- Bán buôn kinh doanh khác chưa được phân vào đâu: Bán buôn các loại sản phẩm: Giấy kẻ, vở học sinh, nhãn vở, sổ tay và các loại văn phòng phẩm; Bán buôn vật tư thiết bị ngành in; Bán buôn thiết bị, dụng cụ giáo dục; Nhập khẩu vật tư, thiết bị kỹ thuật in phục vụ sản xuất kinh doanh;
- Hoạt động xuất bản khác: Tổ chức liên kết xuất bản, in và phát hành lịch, sách, báo, tạp chí và các ấn phẩm khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình: Bán buôn sách;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ: Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô;
- Vận tải hành khách đường bộ khác: Kinh doanh vận tải khách theo hợp đồng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Kinh doanh nhà và dịch vụ chuyên quyền sử dụng đất. Dịch vụ cho thuê kho bãi, mặt bằng kinh doanh;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu: Sản xuất thiết bị, dụng cụ giáo dục.

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015 (bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/06/2015).

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản tương đương tiền.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

Các khoản cho vay là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Thời điểm ghi nhận ban đầu đối với các khoản đầu tư là thời điểm Công ty chính thức có quyền sở hữu. Cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0)
- Chứng khoán chưa niêm yết, các khoản đầu tư dưới hình thức khác được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật

Dự phòng

Việc lập dự phòng đối với các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu.
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua.
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

Các khoản nợ phải thu được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ. Các khoản nợ phải thu là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua tại thời điểm cuối kỳ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên giao dịch.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao được xác định căn cứ vào nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loai tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc, thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.6 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn).
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá TSCĐ là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng các chi phí cho đền bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ (không bao gồm các chi phí chi ra để xây dựng các công trình trên đất); hoặc là giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao. Đối với quyền sử dụng đất có thời hạn thì thời gian trích khấu hao là thời gian được phép sử dụng đất của Công ty.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty :

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 năm đến 3 năm.
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty.
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn khi trình bày trên báo cáo tài chính.

Thời điểm ghi nhận nợ phải trả là thời điểm phát sinh nghĩa vụ phải thanh toán của Công ty hoặc khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ. Các khoản nợ phải trả là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá bán tại thời điểm cuối kỳ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

4.9 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh số vốn thực tế đã góp.

Thặng dư vốn cổ phần ghi nhận khoản chênh lệch giữa mệnh giá cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán) được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Việc phân phối lợi nhuận chỉ thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

4.10 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.11 Giá vốn hàng bán

Giá vốn và khoản doanh thu tương ứng được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp.

4.12 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính. Chi phí tài chính ghi giảm trong kỳ là hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

4.13 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng được ghi nhận trong kỳ là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận là các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.14 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.15 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT:
 - ✓ Áp dụng mức thuế suất 10% đối với hoạt động in ấn, cắt rọc;
 - ✓ Các hoạt động khác áp dụng mức thuế suất theo quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế là 20% do đáp ứng điều kiện là tổng doanh thu của năm 2014 không quá 20 tỷ đồng theo quy định tại Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.16 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản đầu tư tài chính, phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Đơn vị tính: VND

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2015	31/12/2014
Tiền mặt	33.861.807	40.105.383
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	748.669.856	316.269.498
Tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng)	2.300.000.000	1.000.000.000
Cộng	3.082.531.663	1.356.374.881

6. Đầu tư tài chính

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
Cộng	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000

Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng theo 2 hợp đồng sau:

- Hợp đồng tiền gửi số 01/06/256907/HĐTG ngày 08/06/2012 với số tiền: 500.000.000 đồng, kỳ hạn gửi là 12 tháng, vào ngày đến hạn thì toàn bộ số tiền gửi sẽ được chuyển sang một kỳ hạn mới tương ứng với lãi suất hiện hành đến hạn. Đến ngày 08/06/2015, Công ty không rút số vốn trên nên toàn bộ số tiền gửi đã được chuyển sang kỳ hạn mới với lãi suất 6%/năm.
- Hợp đồng tiền gửi số 04/06/256907/HĐTG ngày 10/06/2014 với số tiền: 500.000.000 đồng, kỳ hạn gửi là 6 tháng, lãi suất tiền gửi là 5,7%/năm. Đến ngày 10/06/2015, Công ty không rút số vốn trên nên toàn bộ số tiền gửi đã được chuyển sang kỳ hạn mới với lãi suất 5,3%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Đầu tư tài chính dài hạn

	30/06/2015			31/12/2014				
	Số lượng	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Số lượng	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác								
- Công ty CP Sách - TBTH TP. HCM (STC) (i)	24.000	375.152.000	-	375.152.000	24.000	375.152.000	-	375.152.000
- Công ty CP Sách giáo dục tại TP Hà Nội (EBS) (i)	308	7.414.800	5.074.000	2.340.800	308	7.414.800	4.704.400	2.710.400
- Công ty CP Đầu tư & Phát triển GD Đà Nẵng (DAD) (i)	5.700	117.553.675	14.953.675	102.600.000	4.200	94.345.800	27.985.800	66.360.000
- Công ty CP Đầu tư & Phát triển GD Hà Nội (EID) (i)	2.800	34.806.800	-	34.806.800	-	-	-	-
- Công ty CP Sách - TBTH Quảng Ngãi (ii)	6.000	60.000.000	12.556.320	47.443.680	6.000	60.000.000	12.556.320	47.443.680
- Công ty CP Sách - TBGD Miền Trung (ii)	3.000	30.000.000	-	30.000.000	3.000	30.000.000	-	-
Cộng		624.927.275	32.583.995			566.912.600	45.246.520	

(i) Dự phòng giảm giá đầu tư cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội là chênh lệch giữa giá gốc và giá đóng cửa của các cổ phiếu này tại phiên cuối cùng của kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015 với số lượng các cổ phiếu Công ty đang nắm giữ.

(ii) Cổ phiếu này chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và Công ty cũng không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của các cổ phiếu này tại thời điểm 30/06/2015. Do đó, giá trị của cổ phiếu đã đầu tư được ghi nhận theo giá gốc và không trích lập dự phòng. Công ty cũng không có cơ sở xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2015	31/12/2014
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	439.063.699	624.086.446
NXB Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	908.647.808	1.814.835.928
Công ty CP Đầu tư và PTGD tại Đà Nẵng	733.804.103	287.379.551
Các đối tượng khác	837.716.894	346.934.299
Cộng	2.919.232.504	3.073.236.224

Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	30/06/2015	31/12/2014
Công ty TNHH MTV NXBGD VN (lãi cho vay)	439.063.699	624.086.446
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP Đà Nẵng	908.647.808	1.814.835.928
Công ty CP Sách giáo dục tại TP Đà Nẵng	140.625.629	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển GD tại Đà Nẵng	733.804.103	287.379.551
Cộng	2.222.141.239	2.726.301.925

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2015	31/12/2014
Trương Văn Hòa	17.000.000	-
Cộng	17.000.000	-

9. Phải thu về cho vay

a) Ngắn hạn

	30/06/2015	31/12/2014
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (i)	8.803.785.614	5.920.098.276
Cộng	8.803.785.614	5.920.098.276

(i) Cho Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam vay theo 3 hợp đồng:

- Hợp đồng cho vay số 01/2013/HĐVV/NXBGDVN-HTP ngày 12/09/2013 với số tiền: 3.000.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 12 tháng kể từ ngày 13/09/2013, lãi suất cho vay là 10,5%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- Hợp đồng cho vay số 01/2013/HĐVV/HTP ngày 30/06/2011 với số tiền: 1.600.000.000 đồng với thời hạn cho vay là 12 tháng, vào ngày đến hạn thì toàn bộ số tiền cho vay sẽ được chuyển sang một kỳ hạn mới tương ứng với lãi suất hiện hành đến hạn. Đến ngày 30/06/2015, khoản cho vay tự chuyển qua kỳ hạn mới với số tiền: 500.000.000 đồng.

Ngày 01/01/2015, hai bên cùng thống nhất điều chỉnh hai Hợp đồng vay vốn trên tại Phụ lục hợp đồng vay vốn số 07-2015/PL-HĐVV về việc thay đổi mức lãi suất cho vay là 8,0%/năm.

- Cho Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam vay theo hợp đồng số 01/2012/HĐVV/NXBGDVN-HTP ngày 04/06/2012. Hạn mức cho vay: 6.500.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 36 tháng. Đến ngày 30/06/2015, Công ty đã ký các phụ lục hợp đồng sau:
 - ✓ Phụ lục hợp đồng số 01/PL-HĐVV ngày 11/10/2012 với số tiền 1.795.678.785 đồng, thời hạn cho vay từ ngày 11/10/2012 – 11/10/2015, lãi suất cho vay 11%;
 - ✓ Phụ lục hợp đồng số 02/PL-HĐVV ngày 11/12/2012 với số tiền 624.419.491 đồng, thời hạn cho vay từ ngày 11/12/2012 – 11/12/2015, lãi suất cho vay 11%;
 - ✓ Phụ lục hợp đồng số 03/PL-HĐVV ngày 14/01/2013 với số tiền 759.091.330 đồng, thời hạn cho vay từ ngày 14/01/2013 – 14/01/2016, lãi suất cho vay 11%;
 - ✓ Phụ lục hợp đồng số 04/PL-HĐVV ngày 07/02/2013 với số tiền 1.300.550.472 đồng, thời hạn cho vay từ ngày 07/02/2013 – 07/02/2016, lãi suất cho vay 11%;
 - ✓ Phụ lục hợp đồng số 05/PL-HĐVV ngày 27/04/2013 với số tiền 824.045.536 đồng, thời hạn cho vay từ ngày 27/04/2013 – 27/04/2016, lãi suất cho vay 11%.

b) Dài hạn

	30/06/2015	31/12/2014
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (ii)	1.272.397.615	4.156.084.953
Cộng	1.272.397.615	4.156.084.953

Cho Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam vay theo hợp đồng số 01/2012/HĐVV/NXBGDVN-HTP ngày 04/06/2012. Hạn mức cho vay: 6.500.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 36 tháng. Đến ngày 30/06/2015, Công ty đã ký các phụ lục hợp đồng sau:

- Phụ lục hợp đồng số 06/PL-HĐVV ngày 23/10/2013 với số tiền 1.000.000.000 đồng, thời hạn cho vay từ ngày 23/10/2013 – 23/10/2016, lãi suất cho vay 11%;
- Phụ lục hợp đồng số 07/PL-HĐVV ngày 29/11/2013 với số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn cho vay từ ngày 29/11/2013 – 29/11/2016, lãi suất cho vay 11%;
- Phụ lục hợp đồng số 08/PL-HĐVV ngày 09/12/2013 với số tiền 72.397.615 đồng, thời hạn cho vay từ ngày 09/12/2013 – 09/12/2016, lãi suất cho vay 11%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

10. Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2015		31/12/2014	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	-	-	20.743.056	-
Phải thu về cổ phần hóa	1.200.000	-	1.400.000	-
Cổ tức phải thu	-	-	37.500.000	-
Tạm ứng	84.673.248	-	12.992.200	-
Phải thu khác	76.025.787	-	49.591.615	-
Cộng	161.899.035	-	122.226.871	-

11. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	30/06/2015	31/12/2014
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán:		
- Từ 3 năm trở lên	42.382.500	42.382.500
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	2.473.582	-
Cộng	44.856.082	42.382.500

12. Hàng tồn kho

	30/06/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.035.713.963	-	750.791.697	-
Chi phí SX, KD dở dang	50.645.444	-	142.719.257	-
Hàng hóa	349.796.893	-	37.022.504	-
Cộng	1.436.156.300	-	930.533.458	-

- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 30/06/2015.
- Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất không có khả năng/khó/chậm tiêu thụ tại thời điểm 30/06/2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Số đầu năm	5.704.591.937	18.151.652.083	1.132.977.494	24.989.221.514
Mua sắm trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số cuối kỳ	5.704.591.937	18.151.652.083	1.132.977.494	24.989.221.514
Khấu hao				
Số đầu năm	3.678.812.968	16.143.165.690	515.413.858	20.337.392.516
Khấu hao trong kỳ	175.176.320	206.502.091	30.878.184	412.556.595
Số cuối kỳ	3.853.989.288	16.349.667.781	546.292.042	20.749.949.111
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	2.025.778.969	2.008.486.393	617.563.636	4.651.828.998
Số cuối kỳ	1.850.602.649	1.801.984.302	586.685.452	4.239.272.403

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2015 là 12.990.716.201 đồng.

Không có TSCĐ hữu hình dùng cầm cố, thế chấp đảm bảo các khoản vay tại ngày 30/6/2015.

14. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số đầu năm	609.140.000	609.140.000
Mua trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	609.140.000	609.140.000
Khấu hao		
Số đầu năm	-	-
Khấu hao trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	-	-
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	609.140.000	609.140.000
Số cuối kỳ	609.140.000	609.140.000

(*) Đây là quyền sử dụng đất lâu dài tại 157 Tôn Đức Thắng, Thành phố Đà Nẵng, được sử dụng làm văn phòng Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

15. Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2015	31/12/2014
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	23.889.426	9.939.965
Cộng	23.889.426	9.939.965

16. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2015	31/12/2014
Công ty CP Đầu tư và PTGD Đà Nẵng	464.971.050	17.637.450
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	260.925.120	10.261.668
Công ty CP In và Vật tư Sài Gòn	-	160.627.500
Công ty TNHH TMDV Kỹ thuật Thành Thái	254.100.000	89.100.000
Công ty CP Xuất nhập khẩu ngành in SIC	-	-
Công ty TNHH Cơ khí Hoàng Hà	-	86.074.924
Các đối tượng khác	607.543.294	152.756.574
Cộng	1.587.539.464	516.458.116

Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan

	30/06/2015	31/12/2014
Công ty CP Đầu tư và Phát triển GD tại Đà Nẵng	464.971.050	17.637.450
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	260.925.120	10.261.668
Cộng	725.896.170	27.899.118

17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2015	31/12/2014
Công ty Cổ phần Sách và TBTH Quảng Nam	200.000.000	-
Nguyễn Thị Anh Đào	-	5.285.484
Nhà sách Trí Việt	-	3.553.260
Các đối tượng khác	17.677.390	1.583.600
Cộng	217.677.390	10.422.344

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

18. Thuế và các khoản nộp Nhà nước

	Đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT	119.097.397	578.739.592	388.594.467	309.242.522
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(21.040.644)	239.425.305	67.296.745	151.087.916
Thuế thu nhập cá nhân	(12.580.987)	52.389.882	43.440.599	(3.631.704)
Cộng	85.475.766	870.554.779	499.331.811	456.698.734

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

19. Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2015	31/12/2014
Kinh phí công đoàn	37.079.643	18.283.363
Bảo hiểm xã hội, y tế, bảo hiểm thất nghiệp	210.052.664	-
Phải trả về cổ phần hóa	1.200.000	1.400.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	10.655.500	9.059.500
Phải trả khác	327.853.973	429.826.808
+ BQL đền bù đường Nguyễn Công Hoan	274.259.100	363.500.000
+ Các khoản khác	53.594.873	66.326.808
Cộng	586.841.780	458.569.671

20. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ dự phòng tài chính (*)	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2014	18.049.800.000	(60.093.500)	(914.353.746)	938.365.170	975.982.823	827.834.218
Tăng trong năm	-	-	-	-	-	1.429.296.710
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	822.790.000
Số dư tại 31/12/2014	18.049.800.000	(60.093.500)	(914.353.746)	938.365.170	975.982.823	1.434.340.928
Số dư tại 01/01/2015	18.049.800.000	(60.093.500)	(914.353.746)	-	1.914.347.993	1.434.340.928
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	910.041.767
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	1.316.464.000
Số dư tại 30/06/2015	18.049.800.000	(60.093.500)	(914.353.746)	-	1.914.347.993	1.027.918.695

(*) Số dư Quỹ dự phòng tài chính năm trước đã được chuyển sang Quỹ đầu tư phát triển theo quy định của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2015	31/12/2014
Vốn góp của Cty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục VN	3.816.000.000	3.816.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	12.639.800.000	12.639.800.000
Mệnh giá cổ phiếu quỹ	1.594.000.000	1.594.000.000
Cộng	<u>18.049.800.000</u>	<u>18.049.800.000</u>

c. Cổ phiếu

	30/06/2015	31/12/2014
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.804.980	1.804.980
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.804.980	1.804.980
- Cổ phiếu phổ thông	1.804.980	1.804.980
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	159.400	159.400
- Cổ phiếu phổ thông	159.400	159.400
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.645.580	1.645.580
- Cổ phiếu phổ thông	1.645.580	1.645.580
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	30/06/2015	31/12/2014
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	1.434.340.928	827.834.218
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	910.041.767	1.429.296.710
Phân phối lợi nhuận	1.316.464.000	822.790.000
Phân phối lợi nhuận kỳ trước	1.316.464.000	822.790.000
- Trả cổ tức cho các cổ đông	1.316.464.000	822.790.000
Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	<u>1.027.918.695</u>	<u>1.434.340.928</u>

e. Cổ tức

Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên năm 2015 số 01/ĐHCD ngày 15/03/2015 đã thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2014 bằng tiền với tỷ lệ 8%/vốn điều lệ. Công ty đã thực hiện việc chi trả cổ tức này trong 6 tháng đầu năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Doanh thu in ấn, cắt rọc	7.066.368.612	7.499.561.824
Doanh thu hoạt động khác	1.572.860.971	1.284.254.797
Cộng	8.639.229.583	8.783.816.621

22. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Giá vốn in ấn, cắt rọc	5.582.555.284	6.042.885.517
Giá vốn hoạt động khác	1.085.753.116	872.693.768
Cộng	6.668.308.400	6.915.579.285

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	560.908.882	682.522.592
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.784.800	43.386.400
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	7.876.150	-
Cộng	572.569.832	725.908.992

24. Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Chi phí lãi vay	-	2.490.908
Dự phòng tổn thất đầu tư	(12.662.525)	6.908.000
Cộng	(12.662.525)	9.398.908

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

25. Chi phí bán hàng

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Tiền lương nhân viên bán hàng	7.482.000	-
Chi phí vận chuyển sách	14.689.799	18.708.640
Chi phí giao dịch, hội nghị, khánh tiết	454.545	500.000
Các khoản khác	1.095.584	-
Cộng	23.721.928	19.208.640

26. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Tiền lương	852.205.699	806.643.047
Chi phí tiếp khách, hội nghị, khánh tiết	162.701.579	77.327.406
Truy thu bảo hiểm do thay đổi mức lương tối thiểu	15.028.099	-
Các khoản khác	325.143.901	261.787.689
Cộng	1.355.079.278	1.145.758.142

27. Thu nhập khác

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Thu nhập từ bán phế liệu	7.897.699	4.131.688
Thu nhập từ cho thuê xe	7.161.290	-
Cộng	15.058.989	4.131.688

28. Chi phí khác

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Chi phí quản lý niêm yết, chốt danh sách cổ đông	17.500.000	17.880.760
Chi tổng kết cuối năm	21.600.000	-
Các khoản khác	3.844.251	43.322.000
Cộng	42.944.251	61.202.760

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

29. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.149.467.072	1.362.709.566
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	47.659.451	17.816.360
- Điều chỉnh tăng (chi phí không hợp lệ)	51.444.251	61.202.760
- Điều chỉnh giảm (cổ tức nhận được)	3.784.800	43.386.400
Tổng thu nhập chịu thuế	1.197.126.523	1.380.525.926
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	239.425.305	276.105.185
<i>Trong đó:</i>		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	239.425.305	276.105.185
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	-

30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	910.041.767	1.086.604.381
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	-
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	-	-
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	910.041.767	1.086.604.381
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.645.580	1.645.580
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	553	660

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính mà chưa trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi do Điều lệ công ty và Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên không quy định tỷ lệ trích các quỹ này. Ban Điều hành thường căn cứ vào kết quả kinh doanh cuối năm, dự kiến mức trích và trình đại hội cổ đông gần nhất phê duyệt.

31. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.270.127.432	1.223.491.692
Chi phí nhân công	4.398.762.192	4.538.104.960
Chi phí khấu hao tài sản cố định	412.556.595	702.484.415
Chi phí dịch vụ mua ngoài	438.630.074	383.769.564
Chi phí khác bằng tiền	310.518.992	242.573.909
Cộng	6.830.595.285	7.090.424.540

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

32. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	Đơn vị phụ thuộc của công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển GD tại Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Chung công ty đầu tư
Công ty CP SGD tại TP Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư

b. Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ gồm:

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Mua hàng			
Công ty CP Đầu tư và Phát triển GD tại Đà Nẵng	Sách giáo khoa	1.083.708.870	197.492.550
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Sách giáo khoa	551.211.100	345.607.480
Bán hàng			
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP Đà Nẵng	Cung ứng sách	6.138.541.950	7.025.863.327
Công ty CP Đầu tư và Phát triển GD tại Đà Nẵng	Cung ứng sách	1.146.424.552	910.120.611
Công ty CP SGD tại TP Đà Nẵng	Cung ứng sách	240.625.629	355.366.655
Cho vay, thu hồi nợ vay			
Công ty TNHH MTV NXB GD Việt Nam	Thu hồi tiền cho vay ngắn	-	200.000.000
	Lãi cho vay	504.477.253	618.207.771

c. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Lương, thưởng của Ban Giám đốc	157.802.733	198.022.208
Thù lao của Hội đồng quản trị	-	15.300.000

33. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chính là in ấn sách giáo khoa và một bộ phận địa lý chính là Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

34. Quản lý rủi ro

a) Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b) Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Do không có giao dịch, số dư ngoại tệ và vay nợ, hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về giá.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua nguyên vật liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của nguyên vật liệu đầu vào. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty ký kết các hợp đồng nguyên tắc, dài hạn với các nhà cung cấp chính bên cạnh việc đa dạng hoá các nguồn cung cấp của Công ty.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty là các đơn vị thành viên Nhà xuất bản và các khách hàng có mối quan hệ kinh doanh lâu dài. Bên cạnh đó, khả năng thu hồi nợ của Công ty là tương đối tốt, do đó Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

30/06/2015	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	1.587.539.464	-	1.587.539.464
Phải trả khác	339.709.473	-	339.709.473
Cộng	1.927.248.937	-	1.927.248.937
31/12/2014	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	516.458.116	-	516.458.116
Phải trả khác	440.286.308	-	440.286.308
Cộng	956.744.424	-	956.744.424

Công ty không có rủi ro trong thanh khoản, Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

30/06/2015	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.082.531.663	-	3.082.531.663
Đầu tư tài chính	1.000.000.000	592.343.280	1.592.343.280
Phải thu khách hàng	2.874.376.422	-	2.874.376.422
Phải thu về cho vay	8.803.785.614	1.272.397.615	10.076.183.229
Phải thu khác	77.225.787	-	77.225.787
Cộng	15.837.919.486	1.864.740.895	17.702.660.381

31/12/2014	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.356.374.881	-	1.356.374.881
Đầu tư tài chính	1.000.000.000	521.666.080	1.521.666.080
Phải thu khách hàng	3.030.853.724	-	3.030.853.724
Phải thu về cho vay	5.920.098.276	4.156.084.953	10.076.183.229
Phải thu khác	109.234.671	-	109.234.671
Cộng	11.416.561.552	4.677.751.033	16.094.312.585

35. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

36. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014, số liệu so sánh của Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2014. Các báo cáo tài chính này đã được kiểm toán và soát xét bởi AAC. Một số chỉ tiêu so sánh trên báo cáo tài chính đã được trình bày lại nhằm đảm bảo tính chất so sánh với các số liệu kỳ này, phù hợp với quy định về lập BCTC tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.



Nguyễn Thanh Tùng

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 07 năm 2015

Kế toán trưởng

Đinh Châu Tâm Hạnh

Người lập biểu

Lê Quang Đình Thạnh

